

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Số: 13/2023/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 06 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quy định một số nội dung và mức chi thuộc thẩm quyền
của Hội đồng nhân dân Thành phố**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XVI - KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Trẻ em ngày 05 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 30 tháng 3 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Xét các Tờ trình số 464/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2023; số 463/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2023; số 460/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2023; số 459/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2023; số 483/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2023; số 448/TTr-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2023; số 447/TTr-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố; Báo cáo thẩm tra của các Ban HĐND Thành phố; các Báo cáo giải

trình, tiếp thu của Ủy ban nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận và biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội, cụ thể:

1. Quy định nội dung, mức chi đặc thù trong công tác quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy và hỗ trợ lực lượng chuyên trách phòng, chống ma túy thuộc các cơ quan chuyên trách, thực hiện nhiệm vụ phòng, chống ma túy trên địa bàn thành phố Hà Nội (*Chi tiết tại Phụ lục 01, 02 kèm theo*).

2. Quy định nội dung, mức chi đối với người cai nghiện bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc, người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập và người được phân công trực tiếp giúp đỡ người được giáo dục tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố Hà Nội (*Chi tiết tại Phụ lục 03 kèm theo*).

3. Quy định mức hỗ trợ kinh phí đóng bảo hiểm y tế cho người cao tuổi từ đủ 70 đến dưới 80 tuổi; người khuyết tật nhẹ; học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn; người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2024 - 2025 (*Chi tiết tại Phụ lục 04 kèm theo*).

4. Quy định chính sách đặc thù cho một số nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em cần sự hỗ trợ khẩn cấp và trẻ em bị tai nạn, thương tích nghiêm trọng trên địa bàn thành phố Hà Nội (*Chi tiết tại Phụ lục 05 kèm theo*).

5. Quy định một số chế độ thu hút, đãi ngộ đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên đạt thành tích cao của thành phố Hà Nội (*Chi tiết tại Phụ lục 06 kèm theo*).

6. Quy định cơ chế hỗ trợ đối với dự án Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo để triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn Thành phố (*Chi tiết tại Phụ lục 07 kèm theo*).

7. Quy định nội dung, mức chi hỗ trợ Hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2023-2025 (*Chi tiết tại Phụ lục 08 kèm theo*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

Tổ chức thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng đối tượng, đúng chính sách, đúng quy định và công khai, minh bạch, tránh các tiêu cực có thể xảy ra.

Tăng cường công tác tuyên truyền, thông báo công khai, rộng rãi nội dung chính sách hỗ trợ để các cá nhân, tổ chức biết, thực hiện. Tổ chức kiểm tra, giám sát và kịp thời xử lý các vi phạm trong việc thực hiện chính sách.

Trong quá trình thực hiện Nghị quyết, nếu phát sinh khó khăn vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, Ủy ban nhân dân Thành phố kịp thời tổng hợp, báo cáo HĐND Thành để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân và tham gia giám sát tổ chức thực hiện.

4. Nghị quyết được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khoá XVI, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2023 có hiệu lực từ ngày 16 tháng 12 năm 2023. /.

Nơi nhận: 2

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội;
- Ban công tác ĐB của UBTWQH;
- Các Bộ: Công an; Tư pháp, Tài chính; Giáo dục & Đào tạo, Văn hóa Thể thao & Du lịch; LĐTBXH; NN&PTNT; Công thương; Nội vụ; Tài nguyên & Môi trường;
- Thường trực Thành ủy Hà Nội;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội;
- Bảo hiểm Xã hội Việt Nam;
- Thường trực HĐND, UBND Thành phố;
- MTTQ Việt Nam Thành phố;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- VP Thành ủy, các Ban Đảng Thành ủy;
- VP Đoàn ĐBQH & HĐND TP, VP UBND TP;
- Công an TP; Tòa án nhân dân TP; Viện Kiểm sát Nhân dân TP; Cục hải quan TP;
- Các sở, ban, ngành, các tổ chức CT-XH Thành phố; Bảo hiểm Xã hội Hà Nội;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Công báo TP; Cổng GTĐT TP;
- Lưu: VT, BVHXH.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Tuấn

PHỤ LỤC 07



**QUY ĐỊNH CƠ CHẾ HỖ TRỢ ĐỐI VỚI DỰ ÁN ĐA DẠNG HÓA SINH
KẾ PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH GIẢM NGHÈO ĐỂ TRIỂN KHAI
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG
GIAI ĐOẠN 2021- 2025 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ**

(Kèm theo Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về Khuyến nông;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 về Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Thực hiện Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

giai đoạn 2021-2025.

Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành quy định cơ chế hỗ trợ đối với dự án Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo để triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn Thành phố với các nội dung sau:

I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

Quy định cơ chế hỗ trợ đối với dự án Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo để triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn Thành phố.

Trường hợp cùng một thời điểm, nội dung có nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác nhau (kể cả từ các chương trình, dự án khác), đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng chính sách ưu đãi, hỗ trợ có lợi nhất.

II. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (*trong thời gian 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo*) trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện đang sản xuất nông nghiệp có nhu cầu và đủ điều kiện hỗ trợ. Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng; trẻ em, người khuyết tật, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, nhóm hộ gia đình, cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân liên quan.

III. ĐIỀU KIỆN, CƠ CHẾ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT LIÊN KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ

1. Điều kiện hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

Thực hiện theo khoản 12 Điều 1 Nghị định 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 về sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 21 Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về Điều kiện hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị.

2. Cơ chế

a) Chi hỗ trợ tư vấn xây dựng liên kết: Chủ trì liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết, chi phí khảo sát đánh giá tiềm năng phát triển chuỗi giá trị; tư vấn xây dựng hợp đồng liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, quy trình kỹ thuật, phương án phát triển thị trường tối đa không quá 300 triệu đồng, bao gồm:

Chi khảo sát, điều tra xác định, lựa chọn địa bàn thực hiện kế hoạch liên kết và các hộ có nhu cầu, điều kiện để tham gia kế hoạch liên kết, nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Biểu số 01 kèm theo Nghị quyết này.

Chi nghiên cứu, lập và xây dựng dự án, kế hoạch liên kết, phương án sản xuất, nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Biểu số 02 kèm theo Nghị quyết này.

b) Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, quản trị chuỗi giá trị, năng lực tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ: Nội dung và mức chi thực hiện theo khoản 1, Điều 4 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính.

c) Hỗ trợ 70% kinh phí mua nguyên liệu, giống cây, con, vật tư kỹ thuật (phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật) theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tối đa 03 chu kỳ sản xuất.

Mức hỗ trợ tối đa không vượt quá 50% tổng chi phí thực hiện một (01) kế hoạch liên kết.

3. Phương thức thực hiện

a) Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất tiêu thụ sản phẩm và theo các văn bản hướng dẫn thực hiện của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về hỗ trợ phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn thành phố. Mẫu đơn, biểu mẫu, trình tự thủ tục đối với đề nghị hỗ trợ kế hoạch liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp thực hiện theo Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ; Thông tư 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ Lao động- Thương binh và xã hội. Các nội dung kế hoạch liên kết đảm bảo đầy đủ nội dung quy định tại điểm 3 khoản 12 Điều 1 Nghị định 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023; chủ trì liên kết cam kết và có biện pháp nộp lại toàn bộ kinh phí hỗ trợ trong trường hợp không thực hiện đầy đủ các nội dung trong kế hoạch liên kết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (như bảo lãnh thực hiện hợp đồng với cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất).

b) Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị được giao kế hoạch, dự toán; đơn vị chủ trì liên kết và các bên liên kết thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thực hiện theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 về sửa đổi, bổ sung khoản 6, khoản 7 Điều 21 Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ.

IV. ĐIỀU KIỆN, CƠ CHẾ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG

1. Điều kiện hỗ trợ

Thực hiện theo khoản 13 Điều 1 Nghị định 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 về sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 22 Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về Điều kiện hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

2. Cơ chế

a) Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính.

b) Hỗ trợ 70% kinh phí mua nguyên liệu, giống cây, con, vật tư kỹ thuật (phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật) theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình tư vấn, hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 12 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính.

d) Hỗ trợ tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính.

e) Hỗ trợ xây dựng và quản lý dự án, kế hoạch, phương án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thực hiện theo quy định tại khoản 13 Điều 4 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính.

Hỗ trợ tối đa không quá 60% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn vùng nông thôn thuộc phạm vi Thành phố.

3. Phương thức thực hiện

a) Thực hiện theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 về sửa đổi, bổ sung Điều 22 Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ.

b) Mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện theo khoản 2 Điều 7 Thông tư 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 05 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Lựa chọn dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồng thực hiện theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 về sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 22 Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ.

c) Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị được giao kế hoạch, dự toán; đại diện tổ nhóm cộng đồng và các thành viên thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 về sửa đổi, bổ sung khoản 6, khoản 7 Điều 22 Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ.

V. ĐIỀU KIỆN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NHIỆM VỤ

1. Điều kiện hỗ trợ

a) Sau tối đa 30 ngày kể từ ngày cơ quan, đơn vị được giao vốn có văn bản gửi đến UBND huyện, xã để thông báo rộng rãi kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và hỗ trợ phát triển sản

xuất cộng đồng trên các phương tiện truyền thông hoặc trên trang điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị nhưng không huy động được sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức khác hoặc không có đề xuất từ cộng đồng dân cư thì các đối tượng được hỗ trợ chuyển sang thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ.

b) Tối thiểu 70% phần kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước phải được dùng để hỗ trợ các hoạt động phát triển sản xuất liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất của người dân.

2. Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ hoạt động khuyến nông trong Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố Hà Nội; thực hiện theo phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên. Đối với nội dung mua nguyên liệu, giống cây, con, vật tư kỹ thuật (phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật) thực hiện tỷ lệ hỗ trợ 70% kinh phí theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho đối tượng thuộc Nghị quyết này.

Hỗ trợ kinh phí thực hiện một (01) dự án tối đa không quá ba (03) tỷ đồng.

3. Phương thức thực hiện

a) Thực hiện theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

b) Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị được giao kế hoạch, dự toán thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo quy định tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 về sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 23 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ.

VI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Các quy định tại phụ lục này có hiệu lực thi hành từ ngày 16 tháng 12 năm 2023./.



Biểu 01 - Phụ lục 07

CHI KHẢO SÁT, ĐIỀU TRA XÁC ĐỊNH, LỰA CHỌN ĐỊA BÀN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH LIÊN KẾT VÀ CÁC HỘ CÓ NHU CẦU, ĐIỀU KIỆN THAM GIA LIÊN KẾT

(Kèm theo Phụ lục 07, Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

| STT | Nội dung | Mức chi |
|-----|---|--|
| 1 | Chi xây dựng phương án điều tra và lập mẫu phiếu điều tra | Theo quy định tương ứng của Thành phố về mức chi của các cuộc điều tra, thống kê do ngân sách Thành phố đảm bảo (Phụ lục 01 của Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 và Phụ lục 01 của Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND Thành phố) |
| 2 | Chi tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả khảo sát, điều tra | |
| 3 | Chi tiền công khảo sát điều tra | |
| - | Chi tiền công khảo sát điều tra | |
| - | Chi tiền công cho người dẫn đường | |
| 4 | Chi cho đối tượng cung cấp thông tin | |
| a) | Đối với cá nhân | |
| - | Dưới 30 chỉ tiêu hoặc 30 chỉ tiêu | |
| - | Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu | |
| - | Trên 40 chỉ tiêu | |
| b) | Đối với tổ chức (<i>Không bao gồm các cơ quan, đơn vị của nhà nước thực hiện cung cấp thông tin theo quy định</i>) | |
| | Dưới 30 hoặc 30 chỉ tiêu | |
| - | Từ 31 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu | |
| - | Trên 40 chỉ tiêu | |
| c) | Đối tượng cung cấp thông tin là cơ quan đơn vị của nhà nước | |
| 5 | Chi vận chuyển tài liệu khảo sát, điều tra, thuê xe phục vụ khảo sát điều tra | |
| 6 | Chi xử lý kết quả khảo sát điều tra | |
| 7 | Các khoản chi khác liên quan đến khảo sát, điều tra (<i>Văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, xăng xe và các khoản chi phí khác để thực hiện nhiệm vụ liên quan đến công tác khảo sát điều tra</i>) | |



Biểu 02 - Phụ lục 07

CHI NGHIÊN CỨU, LẬP VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH CHI TIẾT THỰC HIỆN KẾ HOẠCH LIÊN KẾT, PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT

(Kèm theo Phụ lục 07, Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

| TT | Chức danh/Nội dung công việc | Mức chi |
|-----------|---|--|
| I | Hệ số công lao động của các chức danh xây dựng nhiệm vụ liên kết (tính theo mức lương cơ sở hiện hành) | Theo quy định tương ứng của Thành phố về định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội tại phụ lục 08 Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND Thành phố |
| 1 | Chủ nhiệm nhiệm vụ | |
| 2 | Thư ký | |
| 3 | Thành viên chính | |
| 4 | Thành viên | |
| 5 | Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ | |
| II | Chi vật tư, văn phòng phẩm: Thanh toán theo thực tế | |